

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024**



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 38

228  
G T  
EM H  
VÀ Đ  
TN/  
T

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

**Ban Điều hành**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024)

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**



**Chu Văn Đệ**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2024





Số 2808.05 - 24/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi : Quý Cổ đông và Ban Điều hành**  
**Công ty Cổ phần X20**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết hoạt động quả kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Ngô Bá Duy**  
**Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

U.N.V  
TP  
KIẾ  
CÁU

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>160.942.992.942</b>	<b>210.457.709.018</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>87.435.152.200</b>	<b>31.445.186.704</b>
1. Tiền	111		87.435.152.200	31.445.186.704
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.505.648.952</b>	<b>140.327.920.320</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	40.183.055.909	144.158.486.630
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	10.205.121.892	1.621.424.641
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	-	6.390.998.190
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	1.163.917.536	91.139.111
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(12.046.446.385)	(11.934.128.252)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8.</b>	<b>32.994.738.732</b>	<b>38.048.353.160</b>
1. Hàng tồn kho	141		37.623.387.937	42.677.002.365
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.628.649.205)	(4.628.649.205)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.007.453.058</b>	<b>636.248.834</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12.	852.037.800	217.579.060
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.15.	122.438.852	418.669.774
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>209.899.178.800</b>	<b>199.925.135.175</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19.750.152.878</b>	<b>-</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.	19.750.152.878	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>122.705.300.985</b>	<b>129.778.140.300</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9.	112.893.303.846	119.878.029.837
- Nguyên giá	222		331.679.198.228	327.847.417.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(218.785.894.382)	(207.969.387.415)
2. TSCĐ vô hình	227	V.11.	9.811.997.139	9.900.110.463
- Nguyên giá	228		10.535.633.720	10.535.633.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(723.636.581)	(635.523.257)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>816.820.519</b>	<b>185.443.519</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10.	816.820.519	185.443.519
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2.</b>	<b>61.235.193.323</b>	<b>63.394.835.186</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		61.735.835.186	61.735.835.186
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.159.641.863)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.391.711.095</b>	<b>6.566.716.170</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	5.391.711.095	6.566.716.170
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>370.842.171.742</b>	<b>410.382.844.193</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>111.515.482.871</b>	<b>160.535.088.849</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>109.715.482.871</b>	<b>158.735.088.849</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	26.514.084.281	111.592.214.691
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	63.115.334.672	3.513.594.515
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15.	1.415.107.352	3.515.694.712
4. Phải trả người lao động	314		11.465.332.743	21.999.902.466
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	2.292.863.814	5.279.629.946
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	3.801.756.990	4.403.284.876
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18.	-	3.052.439.862
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.111.003.019	5.378.327.781
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	1.300.000.000	1.300.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19.	500.000.000	500.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>259.326.688.871</b>	<b>249.847.755.344</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20.</b>	<b>259.326.688.871</b>	<b>249.847.755.344</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.635.639.925	56.635.639.925
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.191.048.946	20.712.115.419
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.712.115.419	6.959.029.150
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.478.933.527	13.753.086.269
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>370.842.171.742</b>	<b>410.382.844.193</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

Mẫu B 02a - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	460.779.184.117	324.088.275.354
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b> (10 = 01 - 02)	<b>10</b>		<b>460.779.184.117</b>	<b>324.088.275.354</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	414.935.482.833	294.454.151.549
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>45.843.701.284</b>	<b>29.634.123.805</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	668.981.963	13.797.600.116
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	2.159.797.863	756.453.464
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	1.166.046.680	5.023.645.425
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	30.342.629.691	25.901.895.526
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	<b>30</b>		<b>12.844.209.013</b>	<b>11.749.729.506</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	-	8.181.818
12. Chi phí khác	32	VI.6.	120.099.887	22.055.070
<b>13. Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>(120.099.887)</b>	<b>(13.873.252)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>12.724.109.126</b>	<b>11.735.856.254</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	3.245.175.599	42.294.753
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>9.478.933.527</b>	<b>11.693.561.501</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		12.724.109.126	11.735.856.254
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		10.904.620.291	9.115.691.856
-	Các khoản dự phòng	03		(780.479.866)	(3.216.140.643)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(104.379.448)	(3.438.623)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(435.206.309)	(13.736.702.230)
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.308.663.794	3.895.266.614
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		93.380.299.154	(5.129.488.875)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.053.614.428	(5.553.769.344)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(43.065.692.122)	(41.881.866.122)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		540.546.335	707.948.388
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.583.093.909)	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.267.324.762)	(4.128.977.116)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>72.367.012.918</b>	<b>(52.090.886.455)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.463.157.976)	(4.584.325.455)
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.134.516.922)	-
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		220.517.837	1.963.622.971
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(16.377.157.061)</b>	<b>(2.620.702.484)</b>
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>-</b>	<b>-</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		55.989.855.857	(54.711.588.939)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.445.186.704	83.540.746.416
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		109.639	112.943
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	87.435.152.200	28.829.270.420

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 so Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 số 0100109339 ngày 10/5/2024 về bổ sung ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là X20.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, ...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, ...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày./.

**Trụ sở chính của Công ty:** Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

8-C  
TY  
ƯU H  
ĐINH  
AM  
P.V

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

*Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 01 – KCN Hòa Xá, phường Mỹ Xá TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 01 Tuệ Tĩnh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Số 04 Lê Hồng Phong, phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%

*Danh sách Công ty liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Chủ, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

*Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 – Xí nghiệp Thương mại	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
2. Xí Nghiệp Đo may Quân đội	Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội
3. Chi nhánh Miền Trung	Số 78 Tuệ Tĩnh, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
4. Trường mầm non	Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**7. Nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 30/6/2024 là 668 người (tại ngày 31/12/2023: 608 người).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**IV. Các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.5.) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2228

NG T  
NHIỆM V  
DÂN VÀ  
IẾT N

IÂY -

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**3. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ****8.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	02 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**8.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Chương trình phần mềm và Bản quyền, bằng sáng chế.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

**10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Chi phí lãi vay được trích trước căn cứ vào các Hợp đồng vay và các khế ước vay từng lần.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng kinh doanh hàng may mặc đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về hàng các mặt hàng may mặc.

**15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập trong kỳ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong kỳ, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/ tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

**16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm may mặc; doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

3/21  
CƠ  
CH  
T  
VIỆ  
3/4

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**19. Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế với hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và 10% với hoạt động giáo dục.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ****1. Tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	2.456.388.458	2.501.020.668
Tiền gửi ngân hàng	84.978.763.742	28.944.166.036
<b>Cộng</b>	<b>87.435.152.200</b>	<b>31.445.186.704</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
tận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

**ẢNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>61.735.835.186</b>	<b>(2.159.641.863)</b>	<b>59.576.193.323</b>	<b>61.735.835.186</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa (i)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên (ii)	9.500.000.000	(906.363.498)	8.593.636.502	9.500.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định (iii)	38.235.835.186	-	38.235.835.186	38.235.835.186
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An (iv)	6.000.000.000	(1.253.278.365)	4.746.721.635	6.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>1.659.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.659.000.000</b>	<b>1.659.000.000</b>
Công ty Cổ phần 199 (v)	1.659.000.000	-	1.659.000.000	1.659.000.000
<b>Cộng</b>	<b>63.394.835.186</b>	<b>(2.159.641.863)</b>	<b>61.235.193.323</b>	<b>63.394.835.186</b>

i) Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.

ii) Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.

iii) Công ty TNHH MTV X20 Nam Định hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.

iv) Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa, thuê gia công và cho thuê tài sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

- (v) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận.

Tại thời điểm 30/6/2024, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá trị giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá lại giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**3. Phải thu của khách hàng**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	9.301.376.971	(9.301.376.971)	9.301.376.971	(9.301.376.971)
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	3.220.516.468	-	50.456.546.403	-
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	3.270.531.795	-	1.224.637.766	-
Công ty Cổ phần sản xuất và Thương mại Kim Ánh	1.715.015.284	-	2.939.663.793	-
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	-	-	11.270.971.838	-
Bộ tư lệnh Biên phòng - Bộ Quốc phòng	-	-	5.162.856.343	-
Cục Dân quân tự vệ	-	-	31.592.259.900	-
Bộ tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	23.154.791.994	-
Bộ Tư lệnh Hải quân	2.363.605.508	-	-	-
Các đối tượng khác	20.312.009.883	(2.745.069.414)	9.055.381.622	(2.632.751.281)
<b>Cộng</b>	<b>40.183.055.909</b>	<b>(12.046.446.385)</b>	<b>144.158.486.630</b>	<b>(11.934.128.252)</b>

- b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**4. Trả trước cho người bán**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Thời trang Haki	1.635.374.440	1.523.424.641
Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Xây dựng Minh Cường	1.134.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại LT	1.405.479.859	-
Công ty TNHH Thiết bị Khách sạn quốc tế Furnotel Việt Nam	3.711.898.242	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Các đối tượng khác	2.318.369.351	98.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.205.121.892</b>	<b>1.621.424.641</b>

## 5. Phải thu về cho vay

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Ngắn hạn</b>	-	-	6.390.998.190	-
Công ty TNHH MTV X20	-	-	6.390.998.190	-
Thái Nguyên (1)				
b) <b>Dài hạn</b>	19.750.152.878	-	-	-
Công ty TNHH MTV X20	19.750.152.878	-	-	-
Thái Nguyên (1)				
<b>Cộng</b>	<b>19.750.152.878</b>	<b>-</b>	<b>6.390.998.190</b>	<b>-</b>

(1) Hợp đồng cho vay số 01/2023/X20-X20TN ngày 15/06/2023 với hạn mức cho vay là 19.700.000.000 đồng. Thời hạn 5 năm, lãi suất 2,5%/ năm, lãi trả cuối kỳ. Phương thức cho vay là cấp vốn từng lần qua tài khoản thanh toán hoặc bù trừ công nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo với mục đích để bổ sung vốn lưu động. Tại ngày 30/6/2024, số dư của khoản cho vay là 19.750.152.878 đồng.

b) *Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

## 6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) <b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	779.094.260	-	-	-
Trần Đình Khoa	250.000.000	-	-	-
Lê Văn Toàn	120.000.000	-	-	-
Lê Minh Hiền	120.000.000	-	-	-
Nguyễn Thế Huân	120.000.000	-	-	-
Nguyễn Hồng Hoa	120.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	49.094.260	-	-	-
Cầm cổ, ký cược, ký quỹ	-	-	11.500.000	-
Phải thu khác	384.823.276	-	55.135.120	-
Dự nợ phải trả khác	-	-	24.503.991	-
<b>Cộng</b>	<b>1.163.917.536</b>	<b>-</b>	<b>91.139.111</b>	<b>-</b>

b) *Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**7. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
<i>Phải thu của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	9.301.376.971	-	9.301.376.971	-
CK Diaz General Merchandise	1.501.676.716	-	1.392.082.205	-
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	-	997.191.910	-
Các đối tượng khác	246.200.788	-	243.477.166	-
<b>Cộng</b>	<b>12.046.446.385</b>	<b>-</b>	<b>11.934.128.252</b>	<b>-</b>

**8. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.559.408.258	(4.628.649.205)	20.981.674.007	(4.628.649.205)
Công cụ, dụng cụ	208.066.660	-	31.601.303	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.622.709.997	-	4.632.495.991	-
Thành phẩm	10.024.485.957	-	14.429.151.090	-
Hàng hoá	5.208.717.065	-	2.602.079.974	-
<b>Cộng</b>	<b>37.623.387.937</b>	<b>(4.628.649.205)</b>	<b>42.677.002.365</b>	<b>(4.628.649.205)</b>

**ÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
huyện Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

**AN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tác thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư ngày 01/01/2024	230.594.837.899	69.569.113.031	16.311.965.344	6.277.208.851	5.094.292.127	327.847.417.252
Mua trong kỳ	-	1.227.688.889	2.284.792.087	319.300.000	-	3.831.780.976
Phân loại lại giữa các nhóm tài sản	(594.154.545)	594.154.545	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2024	230.000.683.354	71.390.956.465	18.596.757.431	6.596.508.851	5.094.292.127	331.679.198.228
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư ngày 01/01/2024	135.173.194.158	53.813.695.705	9.813.323.501	4.788.881.924	4.380.292.127	207.969.387.415
Khấu hao trong kỳ	5.912.270.807	3.909.313.221	734.337.592	260.585.347	-	10.816.506.967
Phân loại lại giữa các nhóm tài sản	(594.154.545)	594.154.545	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2024	140.491.310.420	58.317.163.471	10.547.661.093	5.049.467.271	4.380.292.127	218.785.894.382

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2024	95.421.643.741	15.755.417.326	6.498.641.843	1.488.326.927	714.000.000	119.878.029.837
Tại ngày 30/06/2024	89.509.372.934	13.073.792.994	8.049.096.338	1.547.041.580	714.000.000	112.893.303.846

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 95.774.796.745 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 87.592.590.478 đồng)

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

## 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí thi công các hạng mục CN Miền Trung	631.377.000	-
Các hạng mục cải tạo nhà xưởng TMC	185.443.519	185.443.519
<b>Cộng</b>	<b>816.820.519</b>	<b>185.443.519</b>

## 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	9.504.466.000	1.031.167.720	10.535.633.720
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2024	9.504.466.000	1.031.167.720	10.535.633.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	-	635.523.257	635.523.257
Khấu hao trong kỳ	-	88.113.324	88.113.324
Số dư ngày 30/06/2024	-	723.636.581	723.636.581
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2024	9.504.466.000	395.644.463	9.900.110.463
Tại ngày 30/06/2024	9.504.466.000	307.531.139	9.811.997.139

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 263.367.720 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 263.367.720 đồng)

## 12. Chi phí trả trước

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>852.037.800</i>	<i>217.579.060</i>
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	506.471.882	109.186.212
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	302.934.332	101.788.126
Chi phí trả trước khác	42.631.586	6.604.722
<i>b) Dài hạn</i>	<i>5.391.711.095</i>	<i>6.566.716.170</i>
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.704.137.801	868.522.133
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	3.687.573.294	5.698.194.037
<b>Cộng</b>	<b>6.243.748.895</b>	<b>6.784.295.230</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**13. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	1.797.110.576	1.797.110.576	10.802.768.632	10.802.768.632
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	509.272.138	509.272.138	1.298.624.144	1.298.624.144
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Kim Ánh	-	-	980.508.840	980.508.840
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Vĩnh Thịnh	-	-	2.510.273.052	2.510.273.052
Công ty TNHH Dệt may và Thương mại Minh Tâm	4.713.125.852	4.713.125.852	4.213.406.152	4.213.406.152
Công ty Cổ phần May Khang Việt	-	-	3.921.179.300	3.921.179.300
Công ty TNHH Phong Lan	669.250.400	669.250.400	13.170.009.154	13.170.009.154
Công ty Cổ phần 199	-	-	13.857.015.489	13.857.015.489
Công ty Cổ phần dệt may 7	234.329.280	234.329.280	9.801.567.756	9.801.567.756
Các đối tượng khác	18.590.996.035	18.590.996.035	51.036.862.172	51.036.862.172
<b>Cộng</b>	<b>26.514.084.281</b>	<b>26.514.084.281</b>	<b>111.592.214.691</b>	<b>111.592.214.691</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**14. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	55.634.774.626	-
Các đối tượng khác	7.480.560.046	3.513.594.515
<b>Cộng</b>	<b>63.115.334.672</b>	<b>3.513.594.515</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2024
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	3.483.710.175	5.170.074.606	8.482.089.345	171.695.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.826.505.825	1.583.093.909	1.243.411.916
Thuế thu nhập cá nhân	31.984.537	625.165.645	657.150.182	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	291.598.425	291.598.425	-
Các loại thuế khác	-	315.519.360	315.519.360	-
<b>Cộng</b>	<b>3.515.694.712</b>	<b>9.228.863.861</b>	<b>11.329.451.221</b>	<b>1.415.107.352</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	418.669.774	418.669.774	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	122.438.852	122.438.852
<b>Cộng</b>	<b>418.669.774</b>	<b>418.669.774</b>	<b>122.438.852</b>	<b>122.438.852</b>

**16. Chi phí phải trả**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND

**Ngắn hạn**

Trích trước tiền lương nghỉ phép	-	564.868.800
Trích trước tiền thuê đất Quốc phòng	1.140.627.580	3.507.926.147
Trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư	958.834.999	958.834.999
Trích trước chi phí khác	193.401.235	248.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.292.863.814</b>	<b>5.279.629.946</b>

**17. Phải trả khác**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND

<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.801.756.990</b>	<b>4.403.284.876</b>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.523.961.948	251.582.509
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	780.000.000	750.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.497.795.042	3.401.702.367
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	222.630.200	222.630.200
- Các đối tượng khác	222.630.200	222.630.200
Trợ cấp thôi việc	70.767.483	61.274.933
Các quỹ khác của Công ty	223.179.000	223.179.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	981.218.359	2.894.618.234

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

b) <i>Dài hạn</i>	1.300.000.000	1.300.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.300.000.000	1.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.101.756.990</b>	<b>5.703.284.876</b>

## 18. Dự phòng phải trả

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	3.052.439.862
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.052.439.862</b>

## 19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Đơn vị tính: VND	
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
Số đầu năm	500.000.000	500.000.000
Trích lập quỹ	-	-
Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ	-	-
Số cuối năm	500.000.000	500.000.000

## 20. Vốn chủ sở hữu

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND		
<b>Khoản mục</b>	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư ngày 01/01/2023	172.500.000.000	23.109.814.056	195.609.814.056
Lãi trong năm trước	-	13.753.086.269	13.753.086.269
Chia cổ tức	-	(8.625.000.000)	(8.625.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(7.525.784.906)	(7.525.784.906)
Số dư ngày 31/12/2023	172.500.000.000	20.712.115.419	193.212.115.419
Lãi trong kỳ này	-	9.478.933.527	9.478.933.527
Số dư ngày 30/06/2024	172.500.000.000	30.191.048.946	202.691.048.946

## b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	43.788.100.000	43.788.100.000
<b>Cộng</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>172.500.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024

đến ngày 30/06/2024

Mẫu số B 09a - DN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	8.625.000.000

## d) Cổ phiếu

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

## e) Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2024
Quỹ đầu tư phát triển	56.635.639.925	-	-	56.635.639.925
<b>Cộng</b>	<b>56.635.639.925</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.635.639.925</b>

## Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

## 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

## Ngoại tệ các loại

	30/6/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	36.467,40	961,37

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	445.511.299.982	310.761.376.214
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.267.884.135	13.326.899.140
<b>Cộng</b>	<b>460.779.184.117</b>	<b>324.088.275.354</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2****2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa	404.528.370.335	288.859.162.877
Giá vốn cung cấp dịch vụ	10.407.112.498	6.628.334.549
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.033.345.877)
<b>Cộng</b>	<b>414.935.482.833</b>	<b>294.454.151.549</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>a) Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	435.206.309	1.963.622.971
Lợi nhuận của Công ty con ghi nhận trước	-	11.773.079.259
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	129.396.206	57.459.263
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	104.379.448	3.438.623
<b>Cộng</b>	<b>668.981.963</b>	<b>13.797.600.116</b>

**b) Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2****4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	1.781.667
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	156.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.159.641.863	754.671.797
<b>Cộng</b>	<b>2.159.797.863</b>	<b>756.453.464</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**5. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Thu phí bảo vệ và vệ sinh buồng thẻ ATM	-	8.181.818
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.181.818</b>

**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	117.802.973	-
Chi phí khác	2.296.914	22.055.070
<b>Cộng</b>	<b>120.099.887</b>	<b>22.055.070</b>

**7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>4.218.486.542</b>	<b>7.780.631.196</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	382.179.607	341.015.639
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.132.366.245	1.472.339.415
Chi phí dụng cụ đồ dùng	44.294.858	71.563.740
Chi phí khấu hao TSCĐ	189.505.440	85.609.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	871.726.252	980.684.994
Chi phí bằng tiền khác	1.598.414.140	4.829.418.273
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>30.342.629.691</b>	<b>26.082.376.318</b>
Chi phí nhân viên quản lý	11.350.679.680	6.050.474.238
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	549.498.263	416.159.406
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.824.370.820	3.134.854.150
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.889.859.860	1.866.188.157
Thuế, phí, lệ phí	1.184.846.860	892.878.925
Chi phí dự phòng	112.318.133	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.577.296.717	3.006.952.073
Chi phí bằng tiền khác	9.853.759.358	10.714.869.369
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(3.052.439.862)</b>	<b>(2.937.466.563)</b>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(3.052.439.862)	(2.756.985.771)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(180.480.792)

01/01/2024  
CỘNG  
RÁCH NH  
ỀM TOÁN  
VIỆT  
GIẤY

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.697.191.960	16.854.322.032
Chi phí nhân công	36.972.766.854	32.050.748.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.904.620.291	9.115.691.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.928.983.648	49.851.803.709
Chi phí bằng tiền khác	13.651.521.592	18.016.029.354
<b>Cộng</b>	<b>105.155.084.345</b>	<b>125.888.595.757</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	12.435.252.021	11.735.856.254
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.773.079.259
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	3.617.802.965	248.696.770
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	(113.715.583)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	15.939.339.403	211.473.765
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	3.187.867.880	42.294.753
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.187.867.880</b>	<b>42.294.753</b>
<b>Hoạt động wu đãi thuế TNDN</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	288.857.105	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	288.857.105	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	28.885.711	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	3.216.753.591	42.294.753
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	28.422.008	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.245.175.599</b>	<b>42.294.753</b>

2228-đ  
IG TY  
EM HUU  
VA DINH  
NAM  
TP. H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ****1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
Bù trừ công nợ phải trả với khoản phải thu về cho vay	-	6.500.000.000
Bù trừ lợi nhuận được chia với công nợ phải trả	-	5.232.999.627
Bù trừ lợi nhuận được chia với công nợ phải thu	-	6.596.175.523
Chuyển công nợ phải thu thành phải thu về cho vay	1.224.637.766	-

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/8/2024, Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối là 13.753.086.269 đồng, trong đó chi cổ tức là 10.350.000.000 đồng, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3.018.127.653 đồng và trích Quỹ khen thưởng ban điều hành là 384.958.616 đồng.

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a) Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Công ty con
Bộ Quốc Phòng	Cổ đông sở hữu 71,72% vốn
Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 22	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 26	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 199	Công ty liên kết
Chu Văn Đệ	Chủ tịch
Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch - Tổng Giám đốc
Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Lê Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT
Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Hoàng Văn Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024) - Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Phan Thị Thủy	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Văn Vinh	Thành viên Ban kiểm soát

**b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>Doanh thu thuần về bán hàng hóa, thành phẩm</b>	<b>365.935.000.191</b>	<b>2.440.591.500</b>
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	362.001.220.477	-
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	1.304.973.954	-
Công ty Cổ phần 26	2.628.805.760	2.440.591.500
<b>Doanh thu bán và cho thuê tài sản, mặt bằng</b>	<b>9.586.804.704</b>	<b>9.207.299.731</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	1.285.686.872	1.018.595.963
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	5.642.227.970	5.531.361.614
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	1.413.230.836	1.309.230.836
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	1.267.111.318	1.267.111.318
Công ty Cổ phần 199	(21.452.292)	81.000.000
<b>Mua hàng</b>	<b>315.171.962.970</b>	<b>200.856.400.637</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	3.446.743.374	6.040.709.153
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	267.158.069.469	170.981.275.518

0101  
CỨ  
RÁCH  
ỀM TC  
VI  
GI

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	12.342.978.888	1.408.099.847
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	12.645.021.308	13.877.686.725
Công ty Cổ phần 199	17.865.874.000	7.261.849.800
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	284.855.584	583.892.419
Công ty Cổ phần 22	-	9.700.480
Công ty Cổ phần 26	95.351.852	59.136.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	427.037.495	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	906.031.000	634.050.695
<b>Lãi cho vay</b>	<b>214.688.472</b>	<b>119.589.042</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	119.589.042
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	214.688.472	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>-</b>	<b>11.773.079.259</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	5.176.903.736
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	6.596.175.523
<b>Cho vay</b>	<b>13.359.154.688</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	13.359.154.688	-
<b>Thu hồi khoản cho vay</b>	<b>-</b>	<b>6.500.000.000</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	-	6.500.000.000
<b>Cổ tức phải trả</b>	<b>-</b>	<b>6.185.595.000</b>
Bộ Quốc Phòng	-	6.185.595.000
<b>c) Số dư với các bên liên quan</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>15.488.444.638</b>	<b>63.204.305.767</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	3.270.531.795	1.224.637.766
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	-	252.149.760
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	10.229.802.622	50.456.546.403
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	-	11.270.971.838
Công ty Cổ phần 26	1.988.110.221	-
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>-</b>	<b>6.390.998.190</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	6.390.998.190
<b>Phải thu khác</b>	<b>285.864.156</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	214.688.472	-
Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần	71.175.684	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>3.078.159.292</b>	<b>26.529.664.046</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	1.797.110.576	10.802.768.632
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	500.272.128	1.200.624.144

2024  
ĐỒNG  
NHIÊN  
ÁN VÀ  
T N

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Công ty Cổ phần 199	-	13.857.015.489
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	361.678.978	202.934.016
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắk Lắk	410.097.600	368.321.765
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>55.658.372.148</b>	-
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	55.634.774.626	-
Công ty Cổ phần 199	23.597.522	-

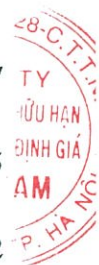
**d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	975.696.268	1.431.141.274
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	28.800.000	34.800.000
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	171.978.043	204.620.958
<b>Cộng</b>	<b>1.176.474.311</b>	<b>1.670.562.232</b>

Chi tiết từng thành viên như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</b>			
Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 01/07/2023)	234.113.430	228.805.917
Ông Vũ Văn Nhất	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 01/07/2023)	-	285.372.755
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc	218.478.071	265.494.802
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc	181.662.690	231.433.572
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc	176.246.179	224.322.178
Ông Lê Văn Nghĩa	Kế toán trưởng	165.195.898	195.712.050
<b>Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị</b>			
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên độc lập	14.400.000	17.400.000
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên độc lập	14.400.000	17.400.000
<b>Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát</b>			
Bà Ngô Thị Hoa	Trưởng ban (chuyên trách)	152.778.043	185.420.958
Bà Phan Thị Thủy	Thành viên	9.600.000	9.600.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	9.600.000	9.600.000
<b>Cộng</b>		<b>1.176.474.311</b>	<b>1.670.562.232</b>



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần X20 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thúy Hằng**

**Ngô Thị Hoa**

**Chu Văn Đệ**